

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG:

TT	Mục tiêu giáo dục Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Dự kiến chủ đề
1. Giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1 -> 9
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9
3	Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Đi và chạy: + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	6, 7, 9
4	Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	2, 3, 4, 5

5	- Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Đi và chạy: + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60-80m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò dích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy.	1- >9
6	Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy.	1 -> 9
7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	1 -> 9
8	b. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe - Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.		2, 7
	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).		

9	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	4, 6
10	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - <i>Quyền được sống: Quyền được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.</i>	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - <i>Trẻ được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe (khám sức khỏe định kì, tiêm chủng, được phòng và chữa bệnh...).</i> - <i>Trẻ được nuôi dưỡng - CS - GD để phát triển toàn diện.</i>	2, 4
11	Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	1,5
12	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	1, 5
13	Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	2, 6
14	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời		1,8

	lạnh. Đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.		
15	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3,7
16	- Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - <i>Quyền được sống: Quyền sống</i>		8
17	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; Không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- <i>Trẻ được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển;</i> - <i>Trẻ thực hành thói quen an toàn cá nhân.</i>	1, 6
18	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi mọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3, 9

máu.
- Biết gọi mọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a. Khám phá khoa học

19	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?” ; “Vì sao lá cây bị ướn?”....	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2, 5, 6, 8
20	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai + Ảnh hưởng của thiên tai đối thực; làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh	2, 8
21	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. VD: Pha màu / đường / muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	+ Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường - Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống.	5, 8

		- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	
22	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh và nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1, 3
23	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.	4, 5, 6, 7
24	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn”.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	8
25	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông - Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người	7
26	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		3, 5, 6
27	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	9
28	b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán - Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm		4, 9

29	các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; Là số mấy?”... - Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	4, 5, 6, 7
30	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	4, 5, 6, 7
31	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	4, 9
32	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	5, 6, 7
33	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	5, 6, 7
34	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	2, 9
35	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	1
36	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .	2,8
37	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	3
38	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3
39	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2

40	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
c, Khám phá xã hội			
41	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
42	- Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu	3
43	- Nói được địa chỉ của gia đình (số nhà, đường phố / thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình	3
44	- Nói tên và địa chỉ của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1, 9
45	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường	2, 8
46	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1, 8
47		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn - Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước	2, 4

48	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng) Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.	1, 9
49	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. <i>- Quyền được phát triển: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.</i>	- Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi; sạt lở đất, xói mòn) <i>- Trẻ được tôn trọng đặc Điểm và giá trị riêng của bản thân và văn hóa dân tộc.</i> <i>- Trẻ được dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.</i>	1, 9
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
50	- Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	1, 2
51	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	1->9
52	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. <i>- Quyền được tham gia: Quyền bày tỏ ý kiến.</i>	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>- Trẻ được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ.</i>	3, 9
53	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	4, 8
54	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? “Ở đâu?” “khi nào?” “Để làm gì?”	1->9
55	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	2, 5

56	Kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	3, 6
57	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
58	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe.	1->9
59	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Đóng kịch.	2, 6
60	- Sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1, 7
61	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	3, 8
62	- Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	1, 8
63	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	3, 9
64	- Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách	5, 9
65	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	5, 7
66	- Sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	3, 8
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
67	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
68	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Trẻ được tự do lựa chọn khu vực	2, 8

69	- <i>Quyền được tham gia: Quyền được vui chơi, giải trí.</i> - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	<i>chơi, nhóm chơi trẻ thích, được bình đẳng khi chơi.</i>	1, 6
	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	4, 7
	- Biểu lộ một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	3, 7
	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
73	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra	9
74	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất. - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Trẻ được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; không làm công việc nặng nhọc quá độ tuổi của trẻ. Không bị lạm dụng sức lao động. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1, 9
75	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		1, 3
76	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). <i>Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động</i>		1->9
77	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		2, 6
78	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		3, 7

79	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	2, 5
80	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	1->9
81	- Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6
82	- Không bẻ cành, bứt hoa.		5, 6
83	- Bỏ rác đúng nơi qui định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	1- >9
84	- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	8

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

85	- Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói nên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	5, 6
86	- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		1, 8
87	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1-> 9
88	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1-> 9
89	- Lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	2, 5

90	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	4, 8
91	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	4, 9
92	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9
93	- Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	3,7
94	- Làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1-> 9
95	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		3, 5
96	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		1 ->9
97	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	3, 7
98	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - <i>Quyền được phát triển: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.</i>	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - <i>Trẻ được lựa chọn, phát triển môn năng khiếu mà trẻ thích.</i>	1, 7
99	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	2, 4, 6, 9

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ (4- 5 tuổi)

Thời gian (từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/05/2026)	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 - 10 (từ ngày 08/09/2025 đến 03/10/2025)	1	Trường mầm non thân yêu (4 tuần)	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng, đồ chơi của bé.	2 tuần		
Tháng 10 (từ ngày 06/10/2025 đến 31/10/2025)	2	Bản thân (4 tuần)	- Tết trung thu	1 tuần	Tổ chức vui trung thu cho bé (15/08 âm lịch) Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10)	
			- Tôi là ai	1 tuần		
			- Cơ thể của tôi	1 tuần		
			- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần		
Tháng 11 (từ ngày 03/11/2025 đến 28/11/2025)	3	Gia đình (4 tuần)	- Công việc và những thành viên trong gia đình.	1 tuần	Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11)	
			- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Ngày nhà giáo VN 20/11	1 tuần		
			- Đồ dùng trong gia đình của bé	1 tuần		
Tháng 12 (từ ngày 01/12/2025 đến 26/12/2025)	4	Nghề nghiệp (4 tuần)	- Nghề xây dựng	1 tuần	Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/2025	
			- Nghề bác sĩ	1 tuần		
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Nghề bộ đội, công an	1 tuần		

Tháng 01 - 02 (từ ngày 29/12/2025 đến 30/01/2026)	5	Thế giới động vật (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình.	1 tuần	- Tết dương lịch 01/01/2026 - Tổ chức các hội thi cấp trường.	
			- Động vật sống dưới nước.	1 tuần		
			- Động vật sống trong rừng.	1 tuần		
			- Một số loại chim, côn trùng.	1 tuần		
Tháng 02 - 03 (từ ngày 02/02/2026 đến 13/03/2026)	6	Thế giới thực vật (5 tuần)	- Một số loại cây xanh.	1 tuần	- Nghỉ tết nguyên đán. - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	
			- Mùa xuân và tết nguyên đán.	1 tuần		
			- Một số loại hoa, quả.	1 tuần		
			- Ngày 8/3	1 tuần		
			- Một số loại rau.	1 tuần		
Tháng 03 - 04 (từ ngày 16/03/2026 đến 10/04/2026)	7	Phương tiện và một số luật giao thông (4 tuần)	- Phương tiện giao thông đường bộ.	1 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường thủy.	1 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường không.	1 tuần		
			- Một số quy định và luật giao thông.	1 tuần		
Tháng 04 (từ ngày 30/03/2026 đến 17/04/2026)	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Nước	1 tuần	- Ngày Giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3/2026 (âm lịch) - Ngày lễ 30/4: Ngày giải phóng miền Nam thống	
			- Các hiện tượng tự nhiên.	2 tuần		

					nhất đất nước - Ngày 1/5: Ngày Quốc tế Lao Động	
Tháng 05 (từ ngày 20/04/2026 đến 15/05/2026)	9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi (3 tuần)	- Quê hương - Đất nước	2 tuần		
			- Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1 tuần		

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**HIỆU TRƯỞNG**

Lò Thị Minh**Lò Thị Hạnh**

